

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2010**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

- |                           |                                     |
|---------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Đại Ngọc Giang     | Chủ tịch                            |
| 2. Ông Nguyễn Quốc Chính  | Ủy viên                             |
| 3. Ông Nguyễn Trọng Hiền  | Ủy viên                             |
| 4. Ông Nguyễn Xuân Nam    | Ủy viên, miễn nhiệm ngày 20/07/2010 |
| 5. Ông Vũ Hoàng Chương    | Ủy viên                             |
| 6. Ông Nguyễn Quang Quyền | Ủy viên, bổ nhiệm ngày 20/07/2010   |

#### **Ban Giám đốc**

- |                           |                   |
|---------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Chính  | Tổng Giám đốc     |
| 2. Ông Nguyễn Quốc Chi    | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Khuất Minh Toàn    | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Quang Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

#### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |
|-------------------------|------------|
| 1. Bà Đỗ Thị Vang       | Trưởng Ban |
| 2. Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên |

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Đức Tuấn

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010 ngày 15 tháng 01 năm 2010 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.



**Đại Ngọc Giang**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011

**Nguyễn Quốc Chính**  
**Tổng Giám đốc**  
Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Số: 4/2011 /UHY - BCKT



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>205.386.110.206</b>	<b>301.547.645.005</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>5.920.148.771</b>	<b>219.279.229.179</b>
Tiền	111		4.120.148.771	62.957.137.798
Các khoản tương đương tiền	112		1.800.000.000	156.322.091.381
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5	<b>93.631.262.307</b>	<b>20.900.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		93.631.262.307	20.900.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.204.437.188</b>	<b>46.978.370.995</b>
Phải thu khách hàng	131		61.456.149.920	12.523.481.110
Trả trước cho người bán	132		17.415.534.540	31.542.863.733
Các khoản phải thu khác	135	6	3.377.312.184	2.912.026.152
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(44.559.456)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.772.375.616</b>	<b>14.031.655.236</b>
Hàng tồn kho	141	7	22.775.224.761	14.034.504.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.849.145)	(2.849.145)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>857.886.324</b>	<b>358.389.595</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	9.451.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	350.074.373	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	507.811.951	348.938.595
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>641.870.419.199</b>	<b>562.172.423.652</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>587.505.419.199</b>	<b>527.807.423.652</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	434.261.788.882	477.669.421.931
- Nguyên giá	222		1.174.416.065.952	1.173.217.055.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(740.154.277.070)	(695.547.633.126)
Tài sản cố định vô hình	227	11	19.760.061.042	19.993.316.400
- Nguyên giá	228		19.993.316.400	19.993.316.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(233.255.358)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	133.483.569.275	30.144.685.321
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.365.000.000</b>	<b>34.365.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	13	54.365.000.000	34.365.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>847.256.529.404</b>	<b>863.720.068.657</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>83.009.264.181</b>	<b>80.080.842.393</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.249.779.697</b>	<b>48.435.219.608</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	8.982.593.428	-
Phải trả người bán	312		1.420.951.876	6.960.289.026
Người mua trả tiền trước	313		563.964.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.795.142.769	14.702.438.159
Phải trả người lao động	315		5.281.577.089	2.673.512.474
Chi phí phải trả	316	16	20.225.188.303	11.382.462.206
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	17.729.981.092	11.176.272.947
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.250.381.140	1.540.244.796
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.759.484.484</b>	<b>31.645.622.785</b>
Vay và nợ dài hạn	334	18	17.965.186.858	31.439.077.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		208.681.869	206.545.785
Doanh thu chưa thực hiện	338		4.585.615.757	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>764.247.265.224</b>	<b>783.639.226.264</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>764.247.265.224</b>	<b>783.639.226.264</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.599.666.180	6.064.731.217
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		54.884.662	(314.447.955)
Quỹ đầu tư phát triển	417		77.775.201.955	55.208.926.711
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.556.317.344	2.407.790.814
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.261.195.083	85.272.225.477
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>847.256.529.404</b>	<b>863.720.068.657</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Vật tư thu hồi từ các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định (VND)			1.374.885.819	149.573.952
Ngoại tệ các loại				
USD			121.282,24	672.310,91
EUR			35,98	-



Nguyễn Quốc Chính  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011


Lê Đức Tuấn  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>131.933.229.827</b>	<b>208.994.642.783</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>131.933.229.827</b>	<b>208.994.642.783</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>80.530.852.554</b>	<b>74.221.774.387</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>51.402.377.273</b>	<b>134.772.868.396</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.589.002.488	17.735.015.923
Chi phí tài chính	22		60.051.915	5.521.119
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.666.667	5.521.119
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.231.864.645	11.100.234.144
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>47.699.463.201</b>	<b>141.402.129.056</b>
Thu nhập khác	31		252.047.108	159.834.439
Chi phí khác	32		273.440.486	30.885.519
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(21.393.378)</b>	<b>128.948.920</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>47.678.069.823</b>	<b>141.531.077.976</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.408.804.442	11.799.185.123
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>41.269.265.381</b>	<b>129.731.892.853</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	650	2.043



Nguyễn Quốc Chính  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011

  
Lê Đức Tuấn  
Kế toán trưởng

10/03/2011



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		47.678.069.823	141.531.077.976
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		44.899.031.642	44.688.459.281
Các khoản dự phòng	3		-	(387.441.465)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(10.589.002.488)	(11.774.631.175)
Chi phí lãi vay	6		34.666.667	5.521.119
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>82.022.765.644</b>	<b>174.062.985.736</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(101.984.538.486)	(23.233.801.891)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(8.740.720.380)	(594.091.646)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		5.143.762.296	(18.294.578.309)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		9.451.000	(9.451.000)
Tiền lãi vay đã trả	13		(34.666.667)	(5.521.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.003.879.552)	(4.643.706.613)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		314.447.955	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(281.358.841)	(3.490.507.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(38.554.737.031)</b>	<b>123.791.327.718</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.388.685.005)	(3.612.824.021)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.731.262.307)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	(55.265.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		-	113.752.073.417
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		10.589.002.488	11.774.631.175
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(119.530.944.824)</b>	<b>66.648.880.571</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.000.000.000	31.439.077.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.491.296.714)	(9.508.593.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.836.986.500)	(133.350.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>	<b>40</b>		<b>(55.328.283.214)</b>	<b>(111.419.516.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(213.413.965.069)</b>	<b>79.020.692.289</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>219.279.229.179</b>	<b>140.572.984.845</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.884.662	(314.447.955)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>5.920.148.771</b>	<b>219.279.229.179</b>



Nguyễn Quốc Chính  
Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Lê Đức Tuấn  
Kế toán trưởng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 05 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 635.000 triệu đồng Việt Nam, chia thành 63.500.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh HOSE với mã chứng khoán TBC, ngày chào sàn 19/10/2009.

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỲ KẾ TOÁN NĂM**

#### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **2.2 Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 Áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CDKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trong năm 2010, Công ty áp dụng bổ sung Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	9 – 15
Thiết bị văn phòng	5 – 10

**3.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**3.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi số theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**3.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị của các tài sản do Công ty quyết định đầu tư, mua mới từ quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại và chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư có gốc ngoại tệ này được phản ánh vào bảng cân đối kế toán dưới chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, doanh thu hoạt động tài chính sẽ tăng lên là 54.884.662 đồng.

**3.12 Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán điện năm 2010, Công ty đang tạm tính giá bán điện theo công văn số 203/EPTC-P5 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 24/02/2010 về việc thanh toán tiền điện cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà trong thời gian chưa ký gia hạn Hợp đồng PPA 827/HĐMBĐ-EVN-TĐTĐB (giá bán điện = 90% đơn giá trong hợp đồng số 827/HĐMBĐ-EVN-TĐTĐB ký ngày 14/07/2006 giữa Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) giá điện tạm tính là 477 đồng/1KWh). Công ty chưa có hợp đồng mua bán điện chính thức của năm 2010 vì vậy doanh thu có thể bị thay đổi khi Công ty ký hợp đồng mua bán điện chính thức với đơn giá bán chính thức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

20  
Đ  
N  
V  
H  
U  
T  
J  
I  
A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí (tiếp)**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty liên doanh, công ty liên kết và các công ty khác mà Công ty tham gia góp vốn; lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện; lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2010, Công ty mới chỉ ghi nhận lãi tiền gửi của các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn trong kỳ, lãi tiền gửi của các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn ở các kỳ sau chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh, số tiền 4.585.615.757 đồng. Công ty đang ghi nhận trên khoản mục “Doanh thu chưa thực hiện” của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước chi phí lãi vay phải trả và trích trước các khoản chi phí khác. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả như sau:

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

Chi phí lãi vay: trích trước chi phí lãi vay phải trả theo hợp đồng vay.

Các khoản chi phí phải trả khác: là các chi phí đã phát sinh nhưng chưa có đủ hoá đơn chứng từ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi nhận được chứng từ nếu có chênh lệch so với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tổng chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là 3.215.798.387 đồng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 Thuế (tiếp)**

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	213.873.223	302.524.823
Tiền gửi ngân hàng	3.906.275.548	62.654.612.975
Các khoản tương đương tiền (*)	1.800.000.000	156.322.091.381
	<b>5.920.148.771</b>	<b>219.279.229.179</b>

Ghi chú: (\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại 31/12/2010, số tiền 93.631.262.307 đồng là khoản tiền ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, thời hạn ủy thác 1 năm, sau 3 tháng sẽ điều chỉnh lãi suất và nhập lãi vào gốc của khoản đầu tư.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền lãi dự tính của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.812.989.320	2.082.376.581
Trong đó:		
<i>Công ty Tài chính CP Điện Lực</i>	1.812.989.320	1.677.991.711
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương</i>	-	3.032.002
<i>Ngân hàng NN&amp;PTNT Yên Bình</i>	-	313.398.701
<i>Ngân hàng BIDV - CN Ba Đình</i>	-	87.954.167
Thuế Nhà thầu nộp hộ	677.751.706	507.797.992
Phải thu tiền thuế TNCN	589.719.213	200.928.888
Phải thu khác	296.851.945	120.922.691
	<b>3.377.312.184</b>	<b>2.912.026.152</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	4.742.810.844	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.572.102.440	13.525.939.669
Công cụ, dụng cụ	460.311.477	508.564.712
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>22.775.224.761</b>	<b>14.034.504.381</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT nộp thừa	276.285.802	-
Thuế tài nguyên	73.788.571	-
	<b>350.074.373</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	507.811.951	348.938.595
<b>Cộng</b>	<b>507.811.951</b>	<b>348.938.595</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**  
Thị trấn Thác Bà - Yên Bình - Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dung cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>01/01/2010</b>	<b>627.875.498.114</b>	<b>525.017.996.513</b>	<b>15.515.855.428</b>	<b>4.807.705.002</b>	<b>1.173.217.055.057</b>
- Mua trong năm	534.934.963	71.725.000	639.028.727	12.454.545	1.258.143.235
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.276.190)	-	(44.856.150)	(59.132.340)
<b>31/12/2010</b>	<b>628.410.433.077</b>	<b>525.075.445.323</b>	<b>16.154.884.155</b>	<b>4.775.303.397</b>	<b>1.174.416.065.952</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>01/01/2010</b>	<b>(294.087.408.255)</b>	<b>(386.327.248.960)</b>	<b>(10.609.249.062)</b>	<b>(4.523.726.849)</b>	<b>(695.547.633.126)</b>
- Khấu hao trong năm	(19.036.617.577)	(24.413.055.770)	(1.095.652.560)	(120.450.377)	(44.665.776.284)
- Thanh lý, nhượng bán	-	14.276.190	-	44.856.150	59.132.340
<b>31/12/2010</b>	<b>(313.124.025.832)</b>	<b>(410.726.028.540)</b>	<b>(11.704.901.622)</b>	<b>(4.599.321.076)</b>	<b>(740.154.277.070)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>01/01/2010</b>	<b>333.788.089.859</b>	<b>138.690.747.553</b>	<b>4.906.606.366</b>	<b>283.978.153</b>	<b>477.669.421.931</b>
<b>31/12/2010</b>	<b>315.286.407.245</b>	<b>114.349.416.783</b>	<b>4.449.982.533</b>	<b>175.982.321</b>	<b>434.261.788.882</b>

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 51.241.110.652 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2010	19.993.316.400	19.993.316.400
31/12/2010	<u>19.993.316.400</u>	<u>19.993.316.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2010	-	-
- Khấu hao trong năm	(233.255.358)	(233.255.358)
31/12/2010	<u>(233.255.358)</u>	<u>(233.255.358)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2010	<u>19.993.316.400</u>	<u>19.993.316.400</u>
31/12/2010	<u>19.760.061.042</u>	<u>19.760.061.042</u>

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất 34.540 m<sup>2</sup> và 145.235,6 m<sup>2</sup>. Tổng giá trị quyền sử dụng hai mảnh đất nói trên đã được xác định trong tổng giá trị tài sản của Công ty Thủy điện Thác Bà tại thời điểm cổ phần hoá ngày 31/12/2004 được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) phê duyệt tại Quyết định số 2342/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 là: 19.993.316.400 đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất này trước đây không xác định thời hạn nên trong thời gian từ năm 2006 - 2009 Công ty không thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất nói trên.

Năm 2009 Đoàn thanh tra tỉnh Yên Bái đã tiến hành thanh tra về việc giải quyết giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 145.235,6 m<sup>2</sup> với giá trị 17.524.039.000 đồng đã được xác định vào giá trị thực tế của phần vốn góp Nhà nước khi cổ phần hoá. Theo đó, Đoàn thanh tra xác định giá trị của diện tích đất này là một khoản đầu tư vốn của Ngân sách tỉnh Yên Bái vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Ngày 08 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành công văn số 2423/UBND-TNMT V/v xác định đơn giá giao đất có thu quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với tổng giá trị là 18.089.045.100 đồng. Ngày 09 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái ra quyết định số 239/QĐ-TTr về việc thu hồi số tiền nói trên từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nộp số tiền nói trên vào tài khoản của Thanh tra tỉnh Yên Bái tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái.

Ngày 10/05/2010, Công ty đã được UBND Tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có thời hạn, diện tích đất có thời hạn sử dụng 45 năm là 96.216,1 m<sup>2</sup>, diện tích đất có thời gian sử dụng là 65 năm là 82,627,9 m<sup>2</sup>. Năm 2010, Công ty trích khấu hao cho Quyền sử dụng đất nói trên từ ngày 10/05/2010 với thời gian là 50 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>133.483.569.275</b>	<b>30.144.685.321</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	113.400.904.788	18.938.176.264
<i>Nâng cấp và HDH hệ thống đo lường điều</i>	<i>22.599.898.004</i>	<i>17.353.713.199</i>
- <i>kiến</i>		
- <i>Dự án Đại tu phục hồi tổ máy số 3</i>	<i>90.801.006.784</i>	<i>1.584.463.065</i>
Sửa chữa lớn Tài sản cố định (*)	20.082.664.487	11.206.509.057
- <i>Đại tu đập chính</i>	<i>8.040.374.719</i>	<i>6.029.862.786</i>
- <i>Sửa chữa lớn TSCĐ khác</i>	<i>1.606.363.665</i>	<i>2.341.459.767</i>
- <i>Trung tu tổ máy số 1</i>		<i>1.609.655.041</i>
- <i>Đại tu hai cần cầu</i>		<i>238.417.687</i>
- <i>Đại tu tổ máy số 2</i>		<i>204.343.137</i>
- <i>Đại tu MBA T3</i>		<i>782.770.639</i>
- <i>Đại tu hệ thống kích từ máy 2</i>	<i>9.202.012.980</i>	
- <i>Đại tu hành lang bảo vệ chân đập bờ trái</i>	<i>329.641.579</i>	
- <i>Đại tu kích từ máy số 1</i>	<i>652.109.212</i>	
- <i>Đại tu hệ thống rơi nhanh M3</i>	<i>252.162.332</i>	

Ghi chú: (\*)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đồng thời chi phí này cũng được ghi sổ vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang và bằng số dư trên TK 335 - Chi phí phải trả (chi tiết phần xây dựng cơ bản). Số dư của 2 tài khoản này sẽ được bù trừ khi các công trình được quyết toán.

**13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>34.365.000.000</b>
+ Cổ phiếu (*)	54.365.000.000	34.365.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>34.365.000.000</b>

Ghi chú (\*): Theo hợp đồng góp vốn số 919/HĐGV-NDHP giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cam kết mua 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng với tỷ lệ 1% vốn điều lệ để trở thành một trong các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Tại ngày 31/12/2010, Công ty đã mua 3.450.000 cổ phiếu, giá trị mua 54.365.000.000 đồng.

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Số dư vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2010, số tiền 8.982.593.428 đồng là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng Vay dài hạn số 06/2009/HỆTD-DH-DN/TCĐL giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

116 / K. H. 01 / 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	-	1.863.141.846
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.221.285.207	11.816.360.317
Thuế thu nhập cá nhân	561.555.184	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	944.504.642
Các loại thuế khác	12.302.378	78.431.354
	<b>3.795.142.769</b>	<b>14.702.438.159</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (*)	20.082.664.487	11.186.356.488
Chi phí lãi vay	142.523.816	90.824.000
Chi phí phải trả khác	-	105.281.718
	<b>20.225.188.303</b>	<b>11.382.462.206</b>

Ghi chú (\*)

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tương ứng với số dư trên chi phí XDChB dở dang như đã trình bày tại thuyết minh số 12.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	1.370.000	8.508.143
Bảo hiểm y tế	18.792.992	12.338.363
Bảo hiểm xã hội	33.028.866	29.306.013
Kinh phí công đoàn	188.114.670	142.571.838
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.488.674.564	10.983.548.590
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>17.303.786.400</i>	<i>10.705.538.700</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>184.888.164</i>	<i>278.009.890</i>
	<b>17.729.981.092</b>	<b>11.176.272.947</b>

20  
NH  
VỤ  
T  
U  
A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.965.186.858</b>	<b>31.439.077.000</b>
<i>Vay dài hạn Công ty tài chính Cổ phần Điện Lực (*)</i>	<i>17.965.186.858</i>	<i>31.439.077.000</i>
	<b>17.965.186.858</b>	<b>31.439.077.000</b>

Ghi chú (\*):

Hợp đồng Vay dài hạn số 06/2009/HĐTD-DH-DN/TCĐL giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Tổng giá trị hợp đồng 130,5 tỷ đồng. Thời gian vay là 4 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi hoàn trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí khác. Lãi suất trong hạn được tính bằng tổng của Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 theo phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay dài hạn trên là tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của công ty.

27  
G  
M  
KIẾ  
S  
4

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

9.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển (*)		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2009	635.000.000.000	635.000.000.000	2.736.794.691	-	-	29.385.459.517	852.699.199	124.232.445.401	792.207.398.808	129.731.892.853	129.731.892.853	
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	34.034.431.861
- Tăng khác	-	-	3.327.936.526	-	-	29.151.403.720	1.555.091.615	-	-	-	-	(172.334.497.258)
- Giảm khác	-	-	-	(314.447.955)	(3.327.936.526)	-	-	(168.692.112.777)	-	-	-	
<b>31/12/2009</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>6.064.731.217</b>	<b>(314.447.955)</b>	<b>55.208.926.711</b>	<b>2.407.790.814</b>	<b>2.407.790.814</b>	<b>85.272.225.477</b>	<b>85.272.225.477</b>	<b>41.269.265.381</b>	<b>783.639.226.264</b>	
01/01/2010	635.000.000.000	635.000.000.000	6.064.731.217	(314.447.955)	55.208.926.711	2.407.790.814	2.407.790.814	85.272.225.477	85.272.225.477	41.269.265.381	783.639.226.264	
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	41.269.265.381	41.269.265.381	
- Tăng khác	-	-	534.934.963	369.332.617	22.566.275.244	1.148.526.530	1.148.526.530	-	-	-	24.619.069.354	
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(57.288.000.000)	(57.288.000.000)	(57.288.000.000)	(57.288.000.000)	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(27.992.295.775)	(27.992.295.775)	(27.992.295.775)	(27.992.295.775)	
<b>31/12/2010</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>6.599.666.180</b>	<b>54.884.662</b>	<b>77.775.201.955</b>	<b>3.556.317.344</b>	<b>3.556.317.344</b>	<b>41.261.195.083</b>	<b>41.261.195.083</b>	<b>764.247.265.224</b>	<b>764.247.265.224</b>	

Ghi chú:

(\*) Số tăng quỹ đầu tư phát triển trong năm 2010 bao gồm cả phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm năm 2009, số tiền 16.507.030.472 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	342,900,000,000	342,900,000,000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	190,500,000,000	190,500,000,000
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	152,400,000,000	152,400,000,000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	133,350,000,000	133,350,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	158,750,000,000	158,750,000,000
	<b>635,000,000,000</b>	<b>635,000,000,000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Theo KQSXKD năm 2008		88.900.000.000
Theo KQSXKD năm 2009	5.728.800.000	44.450.000.000

**19.4 Cổ phiếu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	77.775.201.955	55.208.926.711
Quỹ dự phòng tài chính	3.556.317.344	2.407.790.814
<b>Cộng</b>	<b>81.331.519.299</b>	<b>57.616.717.525</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán điện	131.431.890.735	208.994.642.783
Doanh thu cung cấp dịch vụ	501.339.092	-
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>131.933.229.827</b>	<b>208.994.642.783</b>

**21. GIÁ VỐN**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	80.494.832.554	74.221.774.387
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.020.000	-
	<b>80.530.852.554</b>	<b>74.221.774.387</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.589.002.488	17.735.015.923
	<b>10.589.002.488</b>	<b>17.735.015.923</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>47.678.069.823</b>	<b>141.531.077.976</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>47.678.069.823</b>	<b>141.531.077.976</b>
Phần thu nhập chịu thuế không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN	10.939.983.068	18.019.139.664
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.734.995.767	4.504.784.916
Thu nhập được tính theo ưu đãi thuế	36.738.086.755	123.511.938.312
Thuế suất 20%, giảm 50% thuế phải nộp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.673.808.676	12.351.193.831
Thuế TNDN được hưởng ưu đãi theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	5.056.793.624
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.408.804.442</b>	<b>11.799.185.123</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.269.265.381	129.731.892.853
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	63.500.000	63.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>650</b>	<b>2.043</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.886.348.432	1.585.742.824
Chi phí nhân công	22.719.195.720	17.208.280.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.370.110.896	44.666.894.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.153.696.972	2.241.535.097
Chi phí khác bằng tiền	18.633.365.179	19.619.555.654
	<b>94.762.717.199</b>	<b>85.322.008.531</b>

**26. THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	131.431.890.735	208.994.642.783
<b>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	7.437.797.895	8.023.536.908
<b>Lãi vay dài hạn phải trả</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	3.215.798.387	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>Các khoản tiền ủy thác quản lý vốn</b>		-
Công ty Tài chính CP Điện Lực	93.631.262.307	-
<b>Vay dài hạn</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	17.965.186.858	31.439.077.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	8.982.593.428	-
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.145.000.000	-
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	-	10.668.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	43.940.087.840	12.523.481.110

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Tổng thu nhập của ban giám đốc</b>	<b>1.225.948.342</b>	<b>1.565.742.498</b>
- Lương và phụ cấp	1.225.948.342	1.565.742.498

**26.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).



Nguyễn Quốc Chính  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Lê Đức Tuấn  
Kế toán trưởng